

Bản án số: 365/2022/DS-ST

Ngày: 27 - 5 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thu Quỳnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Nghiêm Xuân Hoàng

2/ Bà Lê Thị Thanh Dung

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 0145/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2022/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Bùi Việt H (có mặt).

Hộ khẩu thường trú: Tổ 05, ấp X, xã A, huyện M, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ liên hệ: 64 đường N, Phường T, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Bị đơn:** Ông Lâm Phúc L (có yêu cầu vắng mặt).

Bà Lã Thị V (có yêu cầu vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: 05 Đường C, Phường H, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Lâm Phúc L hiện đang chấp hành án tại trại giam Tổng Lê Chân, huyện Hón Quảng, tỉnh Bình Phước.

Bà Lã Thị V hiện đang chấp hành án tại trại giam An Phước, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 01 tháng 3 năm 2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Bùi Việt H trình bày:*

Ông Bùi Việt H và bà Lã Thị V và ông Lâm Phúc L có ký với nhau các hợp đồng và giấy mượn tiền sau đây:

- Ngày 28/7/2006 bà Lã Thị V và ông Lâm Phúc L ký Hợp đồng thỏa thuận cho mượn và nhận mượn vàng của ông Bùi Việt H là 22 lượng vàng SJC. Giá vàng tại thời điểm cho mượn và nhận mượn là 11.363.000 đồng/lượng vàng SJC (22 lượng vàng SJC X 11.363.000 đồng = 249.986.000 đồng), làm tròn 250.000.000 đồng, trong thời hạn 15 ngày. Trường hợp đến hết ngày 11/8/2006 mà bà Lã Thị V và ông Lâm Phúc L không thanh toán 22 lượng vàng SJC cho ông Bùi Việt H thì phải chịu tiền lãi phạt hàng tháng là 500.000 đồng/1 lượng vàng SJC tương đương 500.000 đồng X 22 lượng vàng SJC = 11.000.000 đồng/tháng.

- Ngày 17/11/2009 bà Lã Thị V và ông Lâm Phúc L ký Giấy mượn tiền vay của ông Bùi Việt H số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn 30 ngày, lãi do các bên thỏa thuận.

- Ngày 30/3/2010 bà Lã Thị V và ông Lâm Phúc L ký Hợp đồng vay tiền vay của ông Bùi Việt H số tiền 4.500.000.000 đồng, trong thời hạn 20 ngày, lãi do các bên thỏa thuận.

Bà Lã Thị V và ông Lâm Phúc L vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Nay ông Bùi Việt H khởi kiện yêu cầu:

- Theo Hợp đồng thỏa thuận cho mượn và nhận mượn vàng ngày 28/7/2006 Bùi Việt H yêu cầu bà Lã Thị V và ông Lâm Phúc L thanh toán 22 lượng vàng SJC quy đổi Việt Nam đồng tại thời điểm xét xử sơ thẩm, không tính lãi đối với số vàng trên.

- Theo Giấy mượn tiền 17/11/2009 ông Bùi Việt H yêu cầu bà Lã Thị V và ông Lâm Phúc L thanh toán 300.000.000 đồng và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất cơ bản là 9%/năm từ ngày 18/12/2009 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

- Theo Hợp đồng vay tiền ngày 30/3/2010 ông Bùi Việt H yêu cầu bà Lã Thị V và ông Lâm Phúc L thanh toán 4.500.000.000 đồng và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất cơ bản là 9%/năm từ ngày 20/4/2010 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Thi hành một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Nguyên đơn khẳng định các chứng cứ đã được giao nộp, tiếp cận, công khai trong quá trình giải quyết vụ án. Ngoài những chứng cứ đã thu thập tại hồ sơ, không có chứng cứ nào khác cung cấp cho Tòa án.

*Bị đơn bà Lã Thị V hiện đang chấp hành án tại trại giam An Phước, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương và ông Lâm Phúc L hiện đang chấp hành án tại trại giam Tổng Lê Chân, huyện Hớn Quảng, tỉnh Bình Phước có bản tự khai và biên bản lấy lời khai trình bày:*

Bà Lã Thị V và ông Lâm Phúc L thống nhất với trình bày của nguyên đơn về các hợp đồng và giấy mượn tiền đã ký với ông Bùi Việt H như trên. Bà Lã Thị V và ông Lâm Phúc L đồng ý thanh toán theo toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:*

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

#### *[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Ông Bùi Việt H yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn bà Lã Thị V và ông Lâm Phúc L cư trú tại quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

#### *[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:*

Căn cứ vào Hợp đồng thỏa thuận cho mượn và nhận mượn vàng ngày 28/7/2006, Giấy mượn tiền 17/11/2009 và Hợp đồng vay tiền ngày 30/3/2010 được lập và có chữ ký giữa ông Bùi Việt H và bà Lã Thị V và ông Lâm Phúc L. Xét đây là tranh chấp phát sinh trong quan hệ hợp đồng vay tài sản giữa cá nhân với cá nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### *[3] Thời hiệu khởi kiện:*

Các đương sự không yêu cầu xem xét về thời hiệu khởi kiện. Căn cứ vào khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử không giải quyết về thời hiệu khởi kiện.

#### *[4] Về nội dung tranh chấp:*

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán nợ gốc theo hợp đồng thỏa thuận cho mượn và nhận mượn vàng ngày 28/7/2006, giấy mượn tiền 17/11/2009 và hợp đồng vay tiền ngày 30/3/2010.

Căn cứ bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 21 tháng 4 năm 2022 của bà Lã Thị V và ông Lâm Phúc L có cơ sở xác định các bên có ký với nhau các hợp đồng và giấy mượn tiền trên. Việc thỏa thuận vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 nên có hiệu lực pháp luật. Thời hạn vay theo thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng đã hết, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn thu hồi nợ vay là đúng theo thỏa thuận của hợp đồng. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc các đồng bị đơn nợ gốc theo các hợp đồng và giấy mượn tiền như trên là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 474 và 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

Bà Lã Thị V và ông Lâm Phúc L có trách nhiệm thanh toán cho ông Bùi Việt H nợ gốc các hợp đồng và giấy mượn tiền:

- Theo Hợp đồng thỏa thuận cho mượn và nhận mượn vàng ngày 28/7/2006 thanh toán 22 lượng vàng SJC quy đổi Việt Nam đồng tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 69.400.000 đồng/lượng vàng SJC tương đương 22 lượng vàng SJC X 69.400.000

đồng/lượng = 1.526.800.000 đồng.

- Theo Giấy mượn tiền 17/11/2009 thanh toán 300.000.000 đồng.
- Theo Hợp đồng vay tiền ngày 30/3/2010 thanh toán 4.500.000.000 đồng.

*Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán tiền lãi theo lãi suất cơ bản 9%/năm đối với Giấy mượn tiền 17/11/2009 và Hợp đồng vay tiền ngày 30/3/2010.*

Căn cứ Giấy mượn tiền 17/11/2009 và Hợp đồng vay tiền ngày 30/3/2010 và trình bày của các đương sự xác nhận lãi suất là 9%/năm kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến ngày xét xử sơ thẩm.

Xét, theo quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 “.... Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng...”. Hội đồng xét xử nhận thấy mức lãi suất của nguyên đơn thỏa thuận với bị đơn phù hợp theo quy định Bộ luật dân sự và Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự nên được chấp nhận, cụ thể như sau:

- Theo Giấy mượn tiền 17/11/2009 ông Bùi Việt H yêu cầu bà Lã Thị V và ông Lâm Phúc L thanh toán tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất cơ bản là 9%/năm từ ngày 18/12/2009 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm:  $300.000.000 \text{ đồng} \times 9\%/\text{năm} \times 4543 \text{ ngày} = 336.057.534 \text{ đồng}$ .

- Theo Hợp đồng vay tiền ngày 30/3/2010 ông Bùi Việt H yêu cầu bà Lã Thị V và ông Lâm Phúc L thanh toán tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất cơ bản là 9%/năm từ ngày 20/4/2010 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm:  $4.500.000.000 \text{ đồng} \times 9\%/\text{năm} \times 4420 \text{ ngày} = 4.904.383.562 \text{ đồng}$ .

Do đó, bà Lã Thị V và ông Lâm Phúc L có trách nhiệm thanh toán cho ông Bùi Việt H gồm:

- Theo Hợp đồng thỏa thuận cho mượn và nhận mượn vàng ngày 28/7/2006 thanh toán 22 lượng vàng SJC quy đổi Việt Nam đồng tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 22 lượng vàng SJC  $\times 69.400.000 \text{ đồng/lượng} = 1.526.800.000 \text{ đồng}$  (1)

- Theo Giấy mượn tiền 17/11/2009 thanh toán 636.057.534 đồng, trong đó nợ gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi là 336.057.534 đồng (2).

- Theo Hợp đồng vay tiền ngày 30/3/2010 thanh toán 9.404.383.562, trong đó nợ gốc là 4.500.000.000 đồng và tiền lãi là 4.904.383.562 đồng (3).

(1) + (2) + (3):  $1.526.800.000 \text{ đồng} + 636.057.534 \text{ đồng} + 9.404.383.562 \text{ đồng} = 11.567.241.096 \text{ đồng}$ .

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lã Thị V và ông Lâm Phúc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ phải thanh toán.

- Ông Bùi Việt H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471, Điều 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

*Tuyên xử:*

1. *Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Bùi Việt H.*

Buộc bà Lê Thị V và ông Lâm Phúc L phải thanh toán cho ông Bùi Việt H:

- Theo Hợp đồng thỏa thuận cho mượn và nhận mượn vàng ngày 28/7/2006 thanh toán 22 lượng vàng SJC quy đổi Việt Nam đồng tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 22 lượng vàng SJC X 69.400.000 đồng/lượng = 1.526.800.000 (một tỷ năm trăm hai mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng) (1)

- Theo Giấy mượn tiền 17/11/2009 thanh toán 636.057.534 (sáu trăm ba mươi sáu triệu không trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi bốn đồng, trong đó nợ gốc là 300.000.000 (ba trăm triệu đồng) và tiền lãi là 336.057.534 (ba trăm ba mươi sáu triệu không trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi bốn đồng) (2).

- Theo Hợp đồng vay tiền ngày 30/3/2010 thanh toán 9.404.383.562 (chín tỷ bốn trăm lẻ bốn triệu ba trăm tám mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi hai đồng), trong đó nợ gốc là 4.500.000.000 (bốn tỷ năm trăm triệu đồng) và tiền lãi là 4.904.383.562 (bốn tỷ chín trăm lẻ bốn triệu ba trăm tám mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi hai đồng) (3).

Tổng cộng: (1) + (2) + (3): 1.526.800.000 đồng + 636.057.534 đồng + 9.404.383.562 đồng = 11.567.241.096 (mười một tỷ năm trăm sáu mươi bảy nghìn hai trăm bốn mươi một nghìn không trăm chín mươi sáu đồng).

Thi hành một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. *Về án phí:*

- Bà Lê Thị V và ông Lâm Phúc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 59.783.621 (năm mươi chín triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn sáu trăm hai mươi một đồng).

- Ông Bùi Việt H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Bùi Việt H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 63.857.000 (năm mươi sáu triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0029237 ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Về nghĩa vụ thi hành án:*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi

suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### *4. Về quyền kháng cáo:*

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

#### ***Nơi nhận:***

- TAND TPHCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- CC THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Thu Quỳnh**